

Bản án số: 01/2024/DS-PT

Ngày 10-01-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn và ông Chu Tuấn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 1 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:15/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐ-PT ngày 15/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐ-PT ngày 10/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1974 (có mặt)

Người ủy quyền của bà H: Ông Đỗ Tiến N, sinh năm 1976(có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền ngày 28/10/2021);

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị H: Luật sư Lê Tiến D
– Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1963(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị T1, sinh năm 1962 (vợ ông T) (vắng mặt)

Anh Ngô Quang H1, sinh năm 1988 (con ông T) (vắng mặt)

Anh Đỗ Văn C, sinh năm 2001 (con bà H) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Chị Ngô Thị D1, sinh năm 1989 (con ông T) (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tiến N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Bà Đỗ Thị H là công dân thuộc thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bà làm nông nghiệp. Theo Quyết định 652 của UBND tỉnh T và Ủy ban nhân dân xã A cùng trưởng thôn Lộng Khê 5 đã giao cho bà thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8m²; Loại đất Nông nghiệp; tại Xứ đồng C, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và bà đã trồng (cây) lúa được 02 năm (năm 2011 và 2012). Ông Ngô Quang T là người cùng thôn cũng được giao đất nông nghiệp liền kề với thửa đất nông nghiệp của bà. Sau đó ông T đã tự múc đất nhà ông T đổ lên toàn bộ diện tích đất của nhà bà (ông T múc đất vào ban đêm) và đã được Ủy ban nhân dân xã A hòa giải nhưng không thành. Do đó bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Quang T, sinh năm 1963 phải trả lại quyền sử dụng thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8m²; Loại đất Nông nghiệp; tại Xứ đồng C, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí đo máy toàn đạc và máy tọa độ; định giá tài sản; xem xét thẩm định tại chỗ bà H đã nộp 5.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn trình bày:

Trước năm 2013 thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa theo Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Q, Khi đó ông đang chấp hành bản án tại trại giam C2 không có mặt ở nhà. Ông Nguyễn Duy M trưởng thôn Lộng Khê 5 thực hiện giao đất tại xứ đồng Chân Sách thì chỉ có vợ ông (bà Trần Thị T1) ở nhà và nhận ruộng. Việc dồn điền đổi thửa và chia lại ruộng đất cho gia đình ông của thôn L, xã A đã thực hiện xong và sử dụng ổn định.

Bà Đỗ Thị H yêu cầu gia đình ông phải trả lại quyền sử dụng thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8m²; Loại đất Nông nghiệp; tại xứ đồng C, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và chỉ chấp nhận trả lại bà H diện tích đất trống tại vị trí đã giao cho bà H theo sơ đồ và hiện nay là diện tích đất trống mà Hội đồng định giá tài sản và Tòa án đã về xem xét, thẩm định.

Về án phí và chi phí tố tụng: Ông yêu cầu giải quyết theo pháp luật;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Ngô Quang H1 trình bày: Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, vì sau khi thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa thì vị trí ruộng nhà anh dồn về

phía trước, nhà bà H dồn về phía sau. Nên vị trí ruộng trồng lúa bây giờ bà H đòi là thuộc phần ruộng nhà anh chứ không phải ruộng của bà H.

Anh Đỗ Văn C trình bày: Anh nhất trí với yêu cầu của bà H yêu cầu ông T trả lại quyền sử dụng thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8m²; Loại đất Nông nghiệp; tại Xứ đồng C, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bà Trần Thị T1 vắng mặt nhưng trong bản khai đã thể hiện: Năm 2013 Nhà nước có chính sách dồn điền đổi thửa. Thời điểm đó chồng bà là ông T đang chấp hành bản án tại trại giam, bà Đỗ Thị H đi vắng không ra nhận đất, bà T1 ở nhà người nhận đất ruộng. Ông M là trưởng thôn khi đó đã đồng ý cho gia đình bà sử dụng phần đất nông nghiệp tại vị trí này (số A) và đến nay nhà bà vẫn đang sử dụng. Phần đất nông nghiệp nhà bà H có cho nhà bà cấy thuê được một thời gian, sau đó nhà bà không cấy thuê nữa (Cách đây khoảng 5 năm). Một thời gian sau bà H đòi lại phần đất ruộng cũ trước khi chia mà không nhận phần ruộng nhà nước đã chia cho. Gia đình bà T1 và chính quyền xã đã nhiều lần giải thích cho bà H để rõ phần đất nông nghiệp nhà bà đã được dồn về một phía (phần đất trống hiện tại) nhưng bà H không chấp nhận và nhiều lần kiện cáo nhà bà khiến gia đình nhà bà không tập trung làm ăn được. Bà T1 mong Tòa án quyền giải quyết vụ việc này được nhanh chóng theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, để gia đình bà yên tâm làm ăn canh tác.

Chị Ngô Thị D1 vắng mặt nhưng trong bản khai đã thể hiện: Chị nhất trí với quan điểm của bố mẹ chị là ông T, bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bản án số 15/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 97, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 166, 167, 168, 203 của Luật đất đai năm 2013cứ khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.
2. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004897 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Bà H đã nộp xong).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2023, nguyên đơn bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tiến N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Lê Tiến D và nguyên đơn trình bày: Năm 2011 UBND xã A đã thực hiện dồn điền, đổi thửa theo Quyết định của UBND huyện Q và đã triển khai đến các hộ dân trong đó có nhà bà H và ông T. Tuy nhiên trong hồ sơ tài liệu lưu trữ do thôn và UBND xã A cung cấp cho Tòa án không thể hiện trình tự thủ tục bốc thăm mà toàn bộ do Trưởng thôn là ông Nguyễn Duy M và phó thôn thực hiện. Việc chỉ vị trí do ông M ra chỉ chứ không có tài liệu thể hiện bà H bốc vào vị trí thứ 2, ông T ở vị trí số 1, bà H khẳng định mình được giao ở vị trí số 1 và đã trực tiếp canh tác, bà đã thuê ông L là cháu cùng thôn cày thuê và trả công là 20kg thóc/năm, sau đó cho chị L1 canh tác. Năm 2012 khi ông T mãn hạn tù về thì ông T tự ý mức đất của nhà bà lấp sang nhà ông T, bà đã báo cáo UBND xã và UBND xã đã lập biên bản hòa giải nhưng do UBND xã bao che nên sắp xếp giao cho ông T thuê phần diện tích đất của bà, bà nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền thuê từ năm 2012 đến 2018 nhưng ông T không trả. Đến năm 2019 thì bà H kiện đòi lại diện tích đất trên nhưng UBND xã bao che không cung cấp biên bản năm 2012 cho bà. Do đó có đủ cơ sở xác định bà H được giao ở vị trí số 01 nên đề nghị Tòa án buộc ông Ngô Quang T, sinh năm 1963 phải trả lại quyền sử dụng thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8m²; Loại đất Nông nghiệp; tại Xứ đồng C, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Phía bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tiến N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tiến N làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm do đó kháng cáo được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T1, anh C, chị D1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của

Tòa án nhưng vắng mặt nhiều lần không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tiến N thấy:

[3.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

- *Về thẩm quyền*: Bà Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với ông Ngô Quang T. Đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về việc đòi lại quyền sử dụng đất*”. Bị đơn là ông Ngô Quang T có địa chỉ và tài sản đang tranh chấp tại thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ là có căn cứ và hợp pháp.

- *Về thời hiệu khởi kiện*: Bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả lại thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8 m²; Loại đất Nông nghiệp; tại Xứ đồng C, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 155 Bộ luật Dân sự xác định thời hiệu khởi kiện của bà H vẫn còn là đúng quy định.

[3.2] Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc quyền sử dụng đất nông nghiệp. Căn cứ nguyên đơn đòi lại quyền sử dụng đất vì theo Quyết định 652 của UBND tỉnh T và Ủy ban nhân dân xã A cùng trưởng thôn Lộng Khê 5 đã giao cho bà thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8m²; Loại đất: Nông nghiệp tại Xứ đồng C, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và bà đã trồng (cây) lúa được 02 năm (năm 2011 và 2012). Ông Ngô Quang T là người cùng thôn cũng được giao đất nông nghiệp liền kề với thửa đất nông nghiệp của bà. Sau đó ông T đã tự mức đất nhà ông T đổ lên toàn bộ diện tích đất của nhà bà. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật đất đai năm 2013 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3.3] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H, ông N đều thừa nhận năm 2011 UBND xã A đã tiến hành thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa theo Quyết định của UBND huyện Q, tại giai đoạn sơ thẩm bị đơn ông T và bà T1 cũng thừa nhận việc chuyển đổi vị trí thửa đất giữa nhà ông T và bà H do UBND xã thực hiện. Như vậy, các bên đều thừa nhận có việc chuyển đổi vị trí thửa đất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Kết quả xác minh thể hiện: Khi thực hiện Quyết định số 4322 ngày 16/12/2011 của UBND huyện Q về chính sách dồn điền đổi thửa, vị trí thửa đất ruộng số 781 đã được phân cho ông T, còn diện tích đất ruộng của bà H được phân nằm phía sau thửa nhà ông T, sát cạnh vị trí thửa đất mà bà H kiện đòi lại. Thửa đất 781 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chính quyền địa phương xác định đây không phải là thửa đất của bà Đỗ Thị H theo sơ đồ dồn điền đổi thửa được lập lưu tại xã. Kết quả

xác minh nêu trên phù hợp với các tài liệu được Tòa án thu thập như:

- Quyết định số 4322 ngày 16/12/2011 của UBND huyện Q về việc phê duyệt phương án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp thực hiện xây dựng nông thôn mới xã A; Phương án dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp thực hiện quy hoạch nông thôn mới ngày 29/11/2011 của UBND xã A và xác nhận của UBND xã A về thứ tự thửa ruộng theo kết quả dồn điền đổi thửa năm 2011 của thôn L có thứ tự: 1 là thửa ông Ngô Quang T; 2 là thửa bà Đỗ Thị H; 3 là thửa ông Trần Văn C1, Lộng...

- Biên bản xác minh ngày 21/4/2023: Ông Đỗ Quang K - Bí thư chi bộ T3 (từ năm 1998 đến năm 2012) cung cấp: Vào thời gian họp nhân dân thôn T3 vào ngày 04/11/2011; ngày 10/12/2011 và ngày 22/12/2011 với nội dung bàn phương án chia ruộng đất nông nghiệp tại xứ đồng Chân Sách vùng 1 xác định: số 01 thửa ruộng ông Ngô Quang T, thứ hai là thửa đất nhà bà Đỗ Thị H, thứ ba là thửa đất nhà ông Trần Văn C1 + Lộng... Và sơ đồ giao, đo theo kết quả dồn điền đổi thửa năm 2011 xác định ông T có diện tích là 1.482 m²; Bà H có diện tích là 455 m²; Ông C1, Lộng diện tích 3.257 m². Ông xác nhận hồ sơ giao nhận từ các trưởng thôn qua các thời kỳ mà hiện nay ông P là trưởng thôn Lộng Khê 5 đang lưu giữ và đã cung cấp cho Tòa án. Sau khi xem xét đối chiếu ông xác định đó là chữ viết của ông Nguyễn Duy M (thời điểm đó ông M là trưởng thôn), nay ông M đã chết ngày 28/12/2022.

- Tại bản tự khai ngày 18/4/2023, ông Đỗ Quang P1 – Trưởng thôn L (từ năm 2020 đến nay) xác định: Thứ tự các thửa đất nông nghiệp do ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1953 - Trưởng thôn L, xã A ghi lại sau khi xã tổ chức các cuộc họp gồm: Ruộng ông Ngô Quang T rồi đến ruộng nhà bà Đỗ Thị H, tiếp đến là ruộng nhà ông Trần Văn C1... Biên bản các cuộc họp và sơ đồ đã giao cho Tòa án, sơ đồ các thửa đất sau khi dồn điền đổi thửa là do ông M vẽ.

- Biên bản xác minh ngày 21/4/2023 tại trụ sở UBND xã A: Ông Đỗ Thanh Đ - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; Ông Nguyễn Duy T2 - Công chức địa chính; Ông Đỗ Quang P1 - Trưởng thôn xác định: Thửa đất số 781, tờ bản đồ số 5, diện tích 454,8 m² tại xứ đồng Chân Sách thuộc thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Đây là loại đất nông nghiệp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó thửa đất nêu trên chỉ thể hiện trong bản VLAP đã được đo năm 2011. Đây là đo đạc thực tế khi đó bà Đỗ Thị H đi vắng không ra nhận đất, ông Ngô Quang T đang chấp hành án tại trại giam. Bà H căn cứ vào bản đồ VLAP năm 2011 đòi lại quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ từ trưởng thôn Nguyễn Duy M thì các ông xác định sau khi dồn điền đổi thửa đây không phải là thửa đất của bà Đỗ Thị H. Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ để giải quyết.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khi thực hiện Quyết định số 4322 ngày 16/12/2011 của UBND huyện Q về chính sách dồn điền đổi thửa, vị trí thửa đất ruộng số 781 đã

được phân cho ông T, còn diện tích đất ruộng của bà H được phân nằm phía sau thửa nhà ông T, sát cạnh vị trí thửa đất mà bà H kiện đòi lại. Tại phiên tòa bà H trình bày khi dồn điền đổi thửa vị trí thửa đất ruộng bà bốc thăm được là vị trí số 01 và được chính quyền thôn giao nhận sử dụng trên thực địa là vị trí thửa đất 781. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh và triển khai đến từng thôn, xã. Bản thân gia đình bà H không có ý kiến phản đối với chính sách này của Nhà nước. Chính sách này đã được chính quyền thôn L triển khai lấy ý kiến nhân dân thôn L. Phương án thực hiện được nhân dân đồng tình thực hiện trên thực tế. Các tài liệu họp triển khai cho đến việc thực hiện phương án dồn điền đổi thửa và bốc số đều được công khai minh bạch và có các tài liệu sơ đồ thể hiện lưu trữ tại chính quyền địa phương. Như vậy, sau khi dồn điền, đổi thửa theo phương án đã được phê duyệt thì phần đất bà H đã được giao ở vị trí số 02, nhà ông T được giao phần đất ở vị trí số 01 (thửa đất số 781, tờ bản đồ số 05, diện tích 454,8m²; Loại đất Nông nghiệp; tại Xứ đồng C, thôn L, xã A) thể hiện trong hồ sơ do chính quyền thôn L 5 và UBND xã A đã cung cấp cho Tòa án. Sau khi được giao gia đình ông T đã tiến hành canh tác ổn định từ đó đến nay. Tại hồ sơ khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà H và người đại diện theo ủy quyền không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu của bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ và hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H có mời anh L (anh L khai là cháu của bà H) là người bà H khai năm 2011, 2012 đã cày thuê ruộng cho bà là người làm chứng. Tuy nhiên, lời khai của anh L tại phiên tòa về vị trí thửa đất ruộng anh cày cho bà H là thửa cạnh đường giao thông, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nêu trên không phù hợp với vị trí thửa 781 mà bà H đang kiện đòi. Ngoài ra bà H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tại phiên tòa là phù hợp.

[4]Về án phí và chi phí tố tụng: Yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tiến N không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 227, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tiến N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án

nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004897 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Bà H đã nộp xong).

3. Về chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc: Bà Đỗ Thị H phải chịu 5.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (bà H đã nộp đủ).

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0005926 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, bà H đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 10/01/2024.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Luân